TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 165/2020/HNGĐ-ST
Ngày 14 – 7 – 2020
V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Bà Nguyễn Kim Kết

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 14 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 221/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 246/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Lệ D, sinh năm 1982; cư trú tại: Ấp N, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Hoàng K, sinh năm 1983; cư trú tại: Ấp N, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Lệ D thể hiện:*

Chị D và anh Nguyễn Hoàng K chung sống vào năm 2003 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống khi sinh đứa con thứ hai thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau và đã sống ly thân với nhau từ năm 2009. Từ nguyên nhân trên, chị D xác định không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu được ly hôn với anh K.

Quá trình chung sống có 02 con chung gồm: Nguyễn Thái H, sinh ngày 05/4/2005 và Nguyễn Kim H, sinh ngày 19/5/2007. Khi ly hôn chị D yêu cầu được nuôi Kim H, giao Thái H cho anh K nuôi, việc cấp dưỡng không đặt ra.

Về tài sản và nợ: Chị D xác định không có.

* *Đối với anh Nguyễn Hoàng K:* Mặc dù đã được tống đạt các văn bản tố tụng về yêu cầu khởi kiện của chị D nhưng anh K không có ý kiến gì và không tham gia hòa giải và xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Lệ D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Hoàng K đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai để tham gia xét xử nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự này là đúng quy định.

[2] Chị D và anh Nguyễn Hoàng K chung sống vào năm 2003 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống khi sinh đứa con thứ hai thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau và đã sống ly thân với nhau từ năm 2009; do đó, chị D nhận thấy không còn tình cảm với anh K và không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu được ly hôn với anh K. Anh K không có ý kiến về các nội dung và yêu cầu xin ly hôn của chị D.

Xét yêu cầu của chị D, thấy rằng: Chị D yêu cầu ly hôn nhưng qua các lần triệu tập hòa giải, xét xử anh K đều vắng mặt không có lý do; thể hiện việc anh K không có thiện chí hòa giải, hàn gắn; điều đó cho thấy hôn nhân của anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể hàn gắn nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị D ly hôn với anh K là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung, gồm: Nguyễn Thái H, sinh ngày 05/4/2005 và Nguyễn Kim H, sinh ngày 19/5/2007. Khi ly hôn chị D yêu cầu được nuôi Kim H, giao Thái H cho anh K nuôi, việc cấp dưỡng không đặt ra; anh K không có ý kiến gì về vấn đề này.

Tại biên bản ghi nhận nguyện vọng của Nguyễn Kim H thể hiện: Khi cha, mẹ ly hôn thì Kim H có nguyện vọng chung sống với mẹ là chị D. Đối với Thái H Tòa án đã yêu cầu dẫn đến để ghi nguyện vọng nhưng anh K không thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

Xét yêu cầu của chị D thấy rằng: Việc chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi Kim H phù hợp với nguyện vọng của cháu; đối với Thái H do anh K đang trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, để ổn định trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nên giữ

nguyên Kim H cho chị D và Thái H cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị D không có yêu cầu gì về vấn đề này nên không đặt ra xem xét. Trường hợp có phát sinh tranh chấp về vấn đề này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về tài sản và các vấn đề khác: Chị D xác định không có; anh K không có ý kiến gì về các vấn đề này nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị D phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Lệ D. Cho chị D được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng K.

2. Về con chung: Giao Nguyễn Thái H, sinh ngày 05/4/2005 cho anh K và Nguyễn Kim H, sinh ngày 19/5/2007 cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng không đặt ra; chị D, anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị D phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010592 ngày 08 tháng 5 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (chị D đã nộp xong).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viển kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- UBND xã Trần Phán, huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn